

Số: /BC-STP

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 646/SVHTTDL-QLDL ngày 05/8/2021 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc đề nghị thẩm định hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Giám đốc Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 170/QĐ-STP ngày 05/8/2021 thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Hội đồng tư vấn thẩm định), do Giám đốc Sở Tư pháp là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên Hội đồng gồm đại diện: Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Lao động, Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, Ban Quản lý các khu du lịch tỉnh, Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh, Hội Luật gia tỉnh Tuyên Quang, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang, Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng UBND tỉnh và chuyên viên Sở Tư pháp. Ngày 06/8/2021, Hội đồng tư vấn thẩm định đã họp và cho ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết.

Trên cơ sở các ý kiến tại cuộc họp Hội đồng tư vấn thẩm định ngày 06/8/2021; Văn bản số 1645/STC-QLNS ngày 12/8/2021 của Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh; kết quả nghiên cứu độc lập, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Khoản 2 Điều 19 và Điều 75 Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017:

Khoản 2 Điều 19 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức nghiên cứu, khảo sát, lựa chọn địa điểm có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng; có chính sách hỗ trợ về trang thiết bị cần thiết ban đầu và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phục vụ khách du lịch cho cá nhân, hộ gia đình trong cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ du lịch; hỗ trợ xúc tiến sản phẩm du lịch cộng đồng”.

Điều 75 quy định:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương; cụ thể hóa chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển du lịch phù hợp với thực tế tại địa phương.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng; ...”.

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP); Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là Nghị định số 154/2020/NĐ-CP);

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch (sau đây viết tắt là Nghị định số 168/2017/NĐ-CP); Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây viết tắt là Nghị định số 142/2018/NĐ-CP);

Ngoài ra, trong quá trình thẩm định, Sở Tư pháp còn căn cứ vào Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 16/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát

triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh và một số văn bản, tài liệu khác có liên quan.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH (Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết)

1. Căn cứ ban hành

- Căn cứ thứ 2: “*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 01 tháng 01 năm 2021*”, đề nghị chỉnh sửa ngày, tháng, năm ban hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật là “*ngày 18 tháng 6 năm 2020*”.

- Căn cứ thứ 6: “*Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch*”, đề nghị bỏ từ “*thi hành*” để đúng với tên gọi của Nghị định nêu trên.

- Đề nghị bổ sung căn cứ “*Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*”.

2. Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh) quy định: “*Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với hoạt động phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*”.

Đề nghị chỉnh sửa cho thống nhất với tên gọi của dự thảo Nghị quyết.

3. Điều 2 (Đối tượng áp dụng) quy định:

“*Nghị quyết này áp dụng đối với các đối tượng liên quan đến hoạt động phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:*

1. Cá nhân, hộ gia đình (sau đây gọi chung là cá nhân).

2. Hợp tác xã, doanh nghiệp (sau đây gọi chung là tổ chức).

3. Các cơ quan, đơn vị (sau đây gọi chung là cơ quan), Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch theo quy định tại Nghị quyết này”.

Khoản 1 quy nạp “*cá nhân, hộ gia đình*” thành nhóm “*cá nhân*” chưa hợp lý vì mối quan hệ pháp lý khác nhau; đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch.

4. Điều 3 (Nguyên tắc thực hiện)

4.1. Khoản 3 quy định: “Không áp dụng chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng đã được hỗ trợ có nội dung trùng với chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này”.

Tuy nhiên, một trong những nguyên tắc trong xây dựng chính sách pháp luật là không được trùng lặp với chính sách do cơ quan, người có thẩm quyền của Trung ương, chính sách trong văn bản quy phạm pháp luật khác do HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành, vì vậy đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại các chính sách do trung ương, địa phương đã ban hành để loại bỏ các chính sách trùng lặp, không phù hợp với quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trường hợp quy định lại tại Nghị quyết này phải có nội dung "xử lý" nội dung quy định về cùng 1 vấn đề tại Nghị quyết do HĐND tỉnh đã ban hành trước đó (sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ) hoặc bãi bỏ quyết định của UBND tỉnh có liên quan, đồng thời chính sách đó cũng không được trùng với chính sách do trung ương đã ban hành đang còn hiệu lực. **(Bổ sung trong Tờ trình nêu rõ nội dung này).**

4.2. Đề nghị bổ sung nguyên tắc “*Không hỗ trợ đối với đối tượng không tự nguyện tham gia*”.

5. Điều 4 (Nguồn kinh phí hỗ trợ) quy định:

“1. Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết được quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước”.

Đề nghị bổ sung nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn huy động hợp pháp khác.

6. Điều 5 (Chính sách hỗ trợ lãi suất đầu tư cơ sở lưu trú homestay), Điều 6 (Chính sách hỗ trợ lãi suất mua, đóng mới phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch) và Điều 7 (Chính sách hỗ trợ lãi suất ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành)

6.1. Tên Điều

a) Tên Điều 5: “*Chính sách hỗ trợ lãi suất đầu tư cơ sở lưu trú homestay*”.

Tuy nhiên, Điều 48 Luật Du lịch năm 2017 quy định:

“*Các loại cơ sở lưu trú du lịch:*

1. Khách sạn.
2. Biệt thự du lịch.
3. Căn hộ du lịch.

4. *Tàu thủy lưu trú du lịch.*
5. *Nhà nghỉ du lịch.*
6. *Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.*
7. *Bãi cắm trại du lịch.*
8. *Các cơ sở lưu trú du lịch khác”.*

Theo đó, Luật Du lịch năm 2017 không sử dụng thuật ngữ cơ sở lưu trú homestay, đối với trường hợp người dân địa phương cho khách du lịch nghỉ, ngủ tại nhà của mình thuộc loại cơ sở lưu trú du lịch “**nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê**”, đề nghị chỉnh sửa, đồng thời rà soát, chỉnh sửa tương tự tại toàn bộ dự thảo Nghị quyết. Ngoài ra, đề nghị bổ sung cụm từ “*vay vốn*” vào sau cụm từ “*hỗ trợ lãi suất*”

b) Tên Điều 6, tên Điều 7: “*Điều 6. Chính sách hỗ trợ lãi suất mua, đóng mới phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch*”, “*Điều 7. Chính sách hỗ trợ lãi suất ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành*”, đề nghị chỉnh sửa cho thống nhất với nội dung các Điều này: “*...Hỗ trợ 80% lãi suất tiền vay cho tổ chức, cá nhân để mua, đóng mới tàu chở khách du lịch, tàu cao tốc...*”, “*...Hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay cho doanh nghiệp, được tính từ mức chênh lệch lãi suất cho vay của tổ chức tín dụng trừ đi mức lãi suất tiền gửi ký quỹ của doanh nghiệp...*”.

6.2. Nội dung, mức hỗ trợ

Khoản 1 Điều 5 quy định: “*Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 90% lãi suất tiền vay cho tổ chức, cá nhân để xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo nhà ở, khuôn viên tại cơ sở lưu trú homestay. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 200 triệu đồng/01 homestay; thời gian, mức hỗ trợ lãi suất tiền vay không quá 36 tháng, theo lãi suất vay của ngân hàng tại thời điểm*”.

Khoản 1 Điều 6 quy định: “*Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 80% lãi suất tiền vay cho tổ chức, cá nhân để mua, đóng mới tàu chở khách du lịch, tàu cao tốc. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 2 tỷ đồng/01 tàu; thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay không quá 36 tháng, theo lãi suất vay của ngân hàng tại thời điểm*”.

Khoản 1 Điều 7 quy định: “*Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay cho doanh nghiệp, được tính từ mức chênh lệch lãi suất cho vay của tổ chức tín dụng trừ đi mức lãi suất tiền gửi ký quỹ của doanh nghiệp. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 100 triệu đồng/doanh nghiệp lữ hành nội địa; 500 triệu đồng/doanh nghiệp lữ hành quốc tế; thời gian hỗ trợ lãi suất không quá 36 tháng, theo lãi suất vay của ngân hàng tại thời điểm*”.

- Các quy định nêu trên mới chỉ quy định mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất **tối đa** và thời gian vay được hỗ trợ tối đa **không quá 36 tháng**, chưa quy định cách xác định mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất và thời gian vay được hỗ trợ.

- Quy định “*theo lãi suất vay của ngân hàng tại thời điểm*”, chưa rõ ràng lãi suất của ngân hàng nào và tại thời điểm nào, đề nghị chỉnh sửa, quy định cụ thể thời điểm nêu trên được hiểu như thế nào? loại lãi suất tiền vay làm cơ sở để xác định hỗ trợ?

6.3. Điều kiện hỗ trợ

Khoản 2 Điều 5 quy định: “*Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân đầu tư kinh doanh dịch vụ lưu trú homestay tại điểm du lịch cộng đồng được xác định tại Đề án phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; cam kết thực hiện kinh doanh du lịch ít nhất 05 năm liên tục, kể từ thời điểm nhận được hỗ trợ đầu tư theo quy định*”.

Khoản 2 Điều 6 quy định: “*Điều kiện hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân đầu tư kinh doanh dịch vụ tàu khách du lịch có sức chở trên 20 người, tàu cao tốc, hoạt động tại hồ thủy điện Tuyên Quang (Na Hang, Lâm Bình), hồ thủy điện Chiêm Hóa; phương tiện hoạt động kinh doanh đảm bảo các điều kiện theo quy định; cam kết thực hiện kinh doanh du lịch ít nhất 05 năm liên tục, kể từ thời điểm nhận được hỗ trợ đầu tư theo quy định*”.

Theo các quy định nêu trên thì đối tượng được hỗ trợ đầu tư cơ sở lưu trú và hỗ trợ mua, đóng phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch phải “*cam kết thực hiện kinh doanh du lịch ít nhất 05 năm liên tục*”, mà theo quy định của Luật Du lịch năm 2017 thì kinh doanh du lịch gồm: Kinh doanh dịch vụ lữ hành, kinh doanh dịch vụ lưu trú, kinh doanh vận tải khách du lịch, kinh doanh dịch vụ du lịch khác (*ăn uống, mua sắm, thể thao, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe...*). Như vậy, trong thời hạn 05 năm, đối tượng được hỗ trợ đầu tư cơ sở lưu trú chuyển sang kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc kinh doanh dịch vụ vận tải khách du lịch hoặc kinh doanh dịch vụ du lịch khác (*ăn uống, mua sắm, thể thao, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe...*) hoặc đối tượng được hỗ trợ mua, đóng phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch chuyển sang kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc kinh doanh lưu trú, kinh doanh dịch vụ du lịch khác (*ăn uống, mua sắm, thể thao, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe...*) vẫn đảm bảo đúng cam kết, nhưng không đạt được mục đích hỗ trợ ban đầu.

Do đó, đề nghị chỉnh sửa, quy định cho chặt chẽ; đồng thời, đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định chế tài xử lý đối với trường hợp vi phạm cam kết

(đồng thời bổ sung tương tự đối với các chính sách khác trong dự thảo mà có quy định về cam kết).

- Khoản 2 Điều 6 quy định chỉ hỗ trợ tàu khách du lịch, tàu cao tốc hoạt động tại hồ thủy điện Tuyên Quang (Na Hang, Lâm Bình), hồ thủy điện Chiêm Hóa là chưa thực sự hợp lý, chưa có tính dự báo, vì vậy đề nghị không quy định "cứng" về địa điểm, địa danh được hỗ trợ mà chỉ quy định tàu du lịch, tàu cao tốc hoạt động tại khu du lịch có trong quy hoạch.

6.4. Phương thức hỗ trợ

Khoản 3 Điều 5 quy định: “*Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau khi hoàn thành các hạng mục đầu tư tại cơ sở lưu trú homestay; hỗ trợ trực tiếp theo năm vay tín dụng của ngân hàng (03 lần hỗ trợ/03 năm)*”.

Khoản 3 Điều 6 quy định: “*Phương thức hỗ trợ: Phương tiện vận chuyển khách đã đưa vào hoạt động kinh doanh; hỗ trợ trực tiếp chi trả lãi suất theo năm vay tín dụng của ngân hàng (3 lần hỗ trợ/3 năm)*”.

Tuy nhiên, nội dung “*Hỗ trợ sau khi hoàn thành các hạng mục đầu tư tại cơ sở lưu trú homestay*”, “*Phương tiện vận chuyển khách đã đưa vào hoạt động kinh doanh*” không phải quy định về phương thức hỗ trợ mà quy định về thời điểm hỗ trợ.

6.5. Trình tự thực hiện

Khoản 4 Điều 5 quy định:

“4. Trình tự thực hiện:

a) *Tổ chức, cá nhân nộp 02 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã trên địa bàn hoạt động kinh doanh.*

b) *Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã gửi 01 bộ hồ sơ trình UBND cấp huyện thẩm định.*

c) *Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của UBND cấp xã, UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ và xem xét, phê duyệt cấp kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân đề nghị. Trường hợp không hỗ trợ, UBND cấp huyện thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do”.*

Khoản 4 Điều 6 quy định: “*Trình tự thực hiện: Theo các bước quy định tại khoản 4, Điều 5 Nghị quyết này*”.

Khoản 4 Điều 7 quy định: “*Trình tự thực hiện: Theo các bước quy định tại khoản 4, Điều 5 Nghị quyết này*”.

Quy định trình tự thực hiện thủ tục hành chính nêu trên có một số điểm chưa phù hợp, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa, cụ thể:

- Về thẩm quyền quyết định hỗ trợ: Đề nghị chỉnh sửa, quy định đối với hỗ trợ cho hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện, còn hỗ trợ cho doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh (*lưu ý: Trường hợp hỗ trợ thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh thì cơ quan đầu mối tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính khác so với trường hợp hỗ trợ thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện*).

- Theo trình tự thực hiện nêu trên thì UBND xã tiếp nhận nhưng kết thúc trình tự thực hiện tại UBND cấp huyện không phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính:

“Trường hợp hồ sơ thực hiện theo quy trình liên thông giữa các cơ quan có thẩm quyền không cùng cấp hành chính

a) Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền cấp trên; chuyển thông tin về hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử cho Bộ phận Một cửa của cơ quan có thẩm quyền cấp trên để giám sát, chuyển dữ liệu hồ sơ điện tử cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp trên xử lý hồ sơ theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này¹; chuyển kết quả giải quyết cho Bộ phận Một cửa

¹ Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 19 Nghị định 61/2018/NĐ-CP quy định:

“1. Sau khi nhận hồ sơ thủ tục hành chính, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phân công cán bộ, công chức, viên chức xử lý xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

2. Trường hợp thủ tục hành chính không quy định phải thẩm tra, xác minh hồ sơ, lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, có liên quan, cán bộ, công chức, viên chức được giao xử lý hồ sơ thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định; cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử; trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

3. Trường hợp có quy định phải thẩm tra, xác minh hồ sơ

a) Cán bộ, công chức, viên chức được giao xử lý hồ sơ thẩm tra, xác minh, trình cấp có thẩm quyền quyết định và cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử;

b) Quá trình thẩm tra, xác minh phải được lập thành hồ sơ, lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin một cửa điện tử và lưu tại cơ quan giải quyết.

Trường hợp cần có mặt tổ chức, cá nhân để thẩm tra, xác minh hồ sơ thì phải cập nhật thông tin về thời gian, địa điểm, thành phần, nội dung xác minh vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin một cửa điện tử hoặc thông báo các nội dung trên cho Bộ phận Một cửa trong trường hợp chưa có Hệ thống thông tin một cửa điện tử để theo dõi.

4. Đối với hồ sơ qua thẩm tra, thẩm định chưa đủ điều kiện giải quyết, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa. Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định cụ thể về thời gian. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

5. Trường hợp hồ sơ phải lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Cơ quan, đơn vị chủ trì giải quyết hồ sơ hoặc Bộ phận Một cửa trong trường hợp được phân công hoặc ủy quyền gửi thông báo điện tử hoặc văn bản phối hợp xử lý đến các đơn vị có liên quan, trong đó nêu cụ thể nội dung lấy ý kiến, thời hạn lấy ý kiến.

Quá trình lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan phải được cập nhật thường xuyên, đầy đủ về nội dung, thời hạn, cơ quan lấy ý kiến trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử;

b) Cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời các nội dung được lấy ý kiến theo thời hạn lấy ý kiến và cập nhật nội dung, kết quả tham gia ý kiến vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử hoặc Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. Trường hợp quá thời hạn lấy ý kiến mà cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến chưa có

nơi tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân để trả kết quả theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả”.

- Về cách thức thực hiện: Đề nghị bổ sung cách thức gửi hồ sơ “*trực tuyến*”, để bảo đảm thực hiện cải cách hành chính, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Về thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Tổng thời gian giải quyết là 15 ngày làm việc là tương đối dài, đặc biệt quy định thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã mới gửi hồ sơ trình UBND, trong khi đó không quy định trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ.

- Về kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Đề nghị quy định rõ kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thể hiện thông qua hình thức, nội dung như thế nào?, nếu bằng tiền thì thực hiện theo phương thức nào (tiền mặt, chuyển khoản, qua dịch vụ bưu chính công ích?), trong đó lưu ý xây dựng thủ tục hành chính có liên quan đến tiền thì chỉ nên sử dụng hình thức thanh toán hỗ trợ qua chuyển khoản (kể cả cá nhân) nhằm thúc đẩy nhanh quá trình không dùng tiền mặt, dễ kiểm soát, hạn chế tiêu cực.

Ngoài ra, điểm a, đề nghị chỉnh sửa cụm từ “*Bộ phận Một cửa*” thành “*Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính*”, quy định “*02 bộ hồ sơ*” thành “*01 bộ hồ sơ*”; điểm c quy định “*UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan*” chưa rõ ràng là cơ quan nào liên quan đến nội dung gì để xác định cơ quan phối hợp, trách nhiệm phối hợp và thời gian phối hợp.

Từ những vấn đề nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, quy định thủ tục hành chính bảo đảm chặt chẽ; chia nhỏ các bước với thời hạn cụ thể gắn với trách nhiệm của từng cơ quan; cơ quan nào tiếp nhận hồ sơ thì cơ quan đó trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; quy định rõ kết quả giải quyết thủ tục hành chính; rút ngắn thời gian và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính

6.6. Thành phần hồ sơ

Khoản 5 Điều 5 quy định thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất đầu tư cơ sở lưu trú homestay, gồm:

“a) Văn bản đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01);

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy phép kinh doanh (bản sao);

c) Thông báo đủ điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch (bản sao);

d) Hợp đồng tín dụng ký kết với ngân hàng, các loại chứng từ liên quan đến số tiền trả lãi vay ngân hàng (giấy nộp tiền, chứng từ trả lãi vay của ngân hàng...) trong thời kỳ đề nghị hỗ trợ đầu tư (bản sao);

đ) Bảng tổng hợp chi phí đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm hoặc bản sao hóa đơn giá trị gia tăng/hóa đơn thông thường (nếu có);

e) Văn bản cam kết thực hiện kinh doanh dịch vụ du lịch ít nhất 05 năm liên tục (Mẫu số 02) ”.

- Điểm c, đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP: “Căn cứ kế hoạch công tác được phê duyệt hoặc trong trường hợp đột xuất theo quy định của pháp luật, Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi có cơ sở lưu trú du lịch có trách nhiệm tổ chức kiểm tra điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc công tác kiểm tra, Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gửi thông báo bằng văn bản về kết quả kiểm tra đến cơ sở lưu trú du lịch”.

- Điểm đ quy định thành hồ sơ là Bảng tổng hợp chi phí đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm hoặc bản sao hóa đơn giá trị gia tăng/hóa đơn thông thường, nhưng lại quy định “(nếu có)”, theo đó, thành phần hồ sơ này là không bắt buộc, đề nghị xem xét, trường hợp không cần thiết (có cũng được không có cũng được) thì không cần quy định vào thành phần hồ sơ. Ngoài ra, dự thảo chưa quy định về giấy phép xây dựng (đối với công trình, địa điểm bắt buộc phải có giấy phép xây dựng), nhằm tránh trường hợp lấn chiếm, sử dụng đất không đúng mục đích, xây dựng công trình không đảm bảo an toàn.v.v...

6.7. Quy định “Đối với thủ tục đề nghị hỗ trợ thực hiện từ năm thứ hai trở đi, hồ sơ đề nghị, gồm: Đơn đề nghị, chứng từ liên quan đến nộp tiền lãi suất ngân hàng của kỳ kế tiếp. Trình tự thực hiện: Nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến UBND cấp huyện nơi thực hiện hỗ trợ lần đầu”.

Quy định cùng đối tượng, cùng nội dung hỗ trợ phải nộp hồ sơ nhiều lần và mỗi lần do cơ quan khác nhau tiếp nhận (lần 1 do UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ, lần 2 trở đi do UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ) là không hợp lý và không phù hợp. Đề nghị nghiên cứu, quy định thủ tục hành chính chỉ thực hiện một lần, ngân hàng tính lãi suất theo thời điểm vay cho cả thời gian vay thực tế (nhưng không quá 36 tháng) để thực hiện hỗ trợ 1 lần, trừ trường hợp chưa đủ thời gian vay theo hợp đồng, tổ chức, cá nhân đã trả hết số tiền vay.

7. Điều 8 (Chính sách hỗ trợ đầu tư trang thiết bị cơ bản tại cơ sở lưu trú homestay) quy định:

“1. Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 80 triệu đồng/01 cơ sở lưu trú homestay để tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng nhà vệ sinh, phòng tắm, mua sắm trang thiết bị (chăn, ga, gối, đệm...) phục vụ khách lưu trú”.

2. Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân đầu tư kinh doanh dịch vụ lưu trú homestay tại điểm du lịch cộng đồng được xác định tại Đề án phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; cam kết thực hiện kinh doanh du lịch ít nhất 05 năm liên tục, kể từ thời điểm nhận được hỗ trợ đầu tư theo quy định; có quy mô đón, phục vụ tối thiểu từ 10 khách lưu trú trở lên.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần cho cơ sở lưu trú homestay sau khi cơ sở lưu trú homestay đi vào hoạt động kinh doanh.

4. Trình tự thực hiện: Theo các bước quy định tại khoản 4, Điều 5 Nghị quyết này.

5. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 1);

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy phép kinh doanh (bản sao);

c) Thông báo đủ điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch (bản sao);

d) Hồ sơ thiết kế sơ bộ về xây dựng nhà vệ sinh, phòng tắm; bản tổng hợp chi phí xây dựng, mua sắm; bản sao hóa đơn giá trị gia tăng/hóa đơn thông thường (nếu có);

đ) Văn bản cam kết thực hiện kinh doanh du lịch ít nhất 05 năm liên tục, kể từ thời điểm nhận được hỗ trợ đầu tư theo quy định (Mẫu số 02).

6. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa một số nội dung sau:

Thứ nhất, về nội dung hỗ trợ:

(1) Quy định hỗ trợ “đầu tư xây dựng nhà vệ sinh, phòng tắm” nêu trên trùng lặp với chính sách hỗ trợ tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết: “Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 90% lãi suất tiền vay cho tổ chức, cá nhân để xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo nhà ở, khuôn viên tại cơ sở lưu trú homestay. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 200 triệu đồng/01 homestay; thời gian, mức hỗ trợ lãi suất tiền vay không quá 36 tháng, theo lãi suất vay của ngân hàng tại thời điểm”.

(2) Tại khoản 2 Điều 19 Luật Du lịch năm 2017 quy định: ““Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức nghiên cứu, khảo sát, lựa chọn địa điểm có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng; có chính sách hỗ trợ về trang thiết bị cần thiết ban đầu và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phục vụ khách du lịch cho cá nhân, hộ gia đình trong cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ du lịch; hỗ trợ xúc tiến sản phẩm du lịch cộng đồng””.

Theo đó, khoản 2 Điều 19 Luật Du lịch phân cấp cho tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ về trang thiết bị cần thiết ban đầu cho hộ gia đình, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ du lịch, đối với dịch vụ lưu trú nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê tại Điều 27 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 142/2018/NĐ-CP) quy định: “Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đối với nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê:

2. Có khu vực lưu trú cho khách; có bếp, phòng tắm, phòng vệ sinh.

3. Có giường, đệm hoặc chiếu; có chăn, gối, màn, khăn mặt, khăn tắm; thay bọc đệm hoặc chiếu; thay bọc chăn, bọc gối, khăn mặt, khăn tắm khi có khách mới”.

Từ nội dung nêu tại (1) và (2), đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bỏ quy định hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà vệ sinh, phòng tắm, vì đã nằm trong chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo nhà ở, khuôn viên tại cơ sở lưu trú tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết; chỉnh sửa thành quy định **chính sách hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cần thiết ban đầu (giường, đệm hoặc chiếu; có chăn, gối, màn, khăn mặt, khăn tắm; thay bọc đệm hoặc chiếu; thay bọc chăn, bọc gối, khăn mặt, khăn tắm khi có khách mới)** cho loại hình cơ sở lưu trú du lịch nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê. Sau khi chỉnh sửa nội dung chính sách, chỉnh sửa tên Điều và rà soát lại thành phần hồ sơ, loại bỏ hồ sơ không liên quan đến nội dung hỗ trợ (như: Hồ sơ thiết kế sơ bộ về xây dựng nhà vệ sinh, phòng tắm, bản tổng hợp chi phí xây dựng...).

Thứ hai, về mức hỗ trợ: Dự thảo quy định hỗ trợ “tối đa 80 triệu đồng/01 cơ sở lưu trú”, nhưng chưa quy định mức hỗ trợ cụ thể (theo chi phí thực tế do tổ chức, cá nhân kê khai nhưng “tối đa 80 triệu đồng...” hay do người quyết định hỗ trợ tùy theo đối tượng?), sẽ dẫn đến thực hiện không thống nhất, tùy nghi, xin- cho trong quá trình áp dụng văn bản.

Thứ ba, về điều kiện hỗ trợ, trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết: Đề nghị chỉnh sửa theo khoản 6.3, 6.5 Mục II Báo cáo này.

8. Điều 9 (Chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở lưu trú khách sạn, biệt thự du lịch) quy định:

“1. Nội dung, mức hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới cơ sở lưu trú du lịch khách sạn, biệt thự du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:

a) Đầu tư xây dựng 01 khách sạn 5 sao tại thành phố; mức hỗ trợ 50 triệu đồng/01 phòng ngủ, hỗ trợ tối đa 150 phòng;

b) Đầu tư xây dựng 02 khách sạn 4 sao tại huyện Sơn Dương, Na Hang; mức hỗ trợ 40 triệu đồng/phòng ngủ; hỗ trợ tối đa 100 phòng/01 khách sạn;

c) Đầu tư xây dựng 10 khách sạn 3 sao trên địa bàn toàn tỉnh; mức hỗ trợ 30 triệu đồng/phòng ngủ; hỗ trợ tối đa 50 phòng/01 khách sạn;

d) Đầu tư xây dựng biệt thự 3 sao trở lên trên địa bàn toàn tỉnh; mức hỗ trợ 30 triệu đồng/01 biệt thự, hỗ trợ tối đa 100 biệt thự.

2. Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở lưu trú đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận hạng từ 3 sao trở lên; cam kết thực hiện kinh doanh du lịch ít nhất 05 năm liên tục, kể từ thời điểm nhận được hỗ trợ đầu tư theo quy định.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần cho cơ sở lưu trú.

4. Trình tự thực hiện: Theo các bước quy định tại khoản 4, Điều 5 Nghị quyết này.

5. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01);

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy phép kinh doanh (bản sao);

c) Quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch (bản sao);

d) Hồ sơ thiết kế khách sạn/biệt thự (bản sao);

đ) Văn bản cam kết thực hiện kinh doanh du lịch ít nhất 05 năm liên tục, kể từ thời điểm nhận được hỗ trợ đầu tư theo quy định (Mẫu số 02).

6. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.

Đề nghị cân nhắc lại và xem xét một số nội dung sau:

- Quy định hỗ trợ trực tiếp cho các cơ sở lưu trú khách sạn, biệt thự du lịch với mức hỗ trợ tương đối lớn chưa thực sự hợp lý và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đề nghị nghiên cứu, nên quy định theo hướng hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư xây dựng cơ sở lưu trú.

- Chính sách hỗ trợ nêu trên là hỗ trợ sau khi cơ sở lưu trú đã xây dựng xong, vậy có áp dụng đối với cơ sở lưu trú khách sạn, biệt thự du lịch đã xây xong trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực không?

- Quy định hỗ trợ “*Đầu tư xây dựng 01 khách sạn 5 sao tại thành phố*”; “*đầu tư xây dựng 02 khách sạn 4 sao tại huyện Sơn Dương, Na Hang*”.

Quy định nêu trên chưa rõ ràng là mỗi huyện Sơn Dương, Na Hang hỗ trợ đầu tư 02 khách sạn 4 sao hay mỗi huyện hỗ trợ đầu tư 01 khách sạn 4 sao?

- Quy định mức hỗ trợ đối với **01 phòng** của khách sạn 3 sao (*là 30 triệu đồng/phòng*) bằng với mức hỗ trợ **01 biệt thự** 3 sao trở lên (*30 triệu đồng/biệt thự*) chưa thực sự hợp lý.

- Quy định “*cam kết thực hiện kinh doanh du lịch ít nhất 05 năm liên tục, kể từ thời điểm nhận được hỗ trợ đầu tư theo quy định*” là không cần thiết, vì trường hợp tổ chức, cá nhân đầu tư một số tiền lớn để xây dựng khách sạn, biệt thự từ 3 sao trở lên thì chắc chắn phải hoạt động kinh doanh lâu dài; hơn nữa, trường hợp hoạt động chưa được 05 năm, tổ chức, cá nhân tiếp tục đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp khách sạn, biệt thự, trong thời gian này không thực hiện kinh doanh liên tục thì sẽ là vi phạm cam kết, như vậy quy định cam kết nêu trên sẽ cản trở việc phát triển chất lượng cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh.

- Về trình tự thực hiện và thời hạn giải quyết: Đề nghị nghiên cứu nội dung thẩm định tại khoản 6.5 Mục II Báo cáo này.

Ngoài ra, **kinh doanh lĩnh vực khách sạn là một trong những loại hình đầu tư mang lại tiềm năng lợi nhuận cao**, việc đầu tư xây dựng các cơ sở lưu trú khách sạn, biệt thự du lịch từ 3 sao trở lên chủ yếu là các dự án kinh doanh của các doanh nghiệp, tập đoàn lớn. Để thu hút, huy động được nguồn lực từ các nhà đầu tư lớn, nhất là trong lĩnh vực xây dựng cơ sở lưu trú khách sạn, biệt thự, cần đẩy mạnh chính sách liên quan tới thủ tục hành chính như cấp phép xây dựng, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư, thủ tục về đất đai, thuế, ... để hỗ trợ tối đa cho các nhà đầu tư.

Từ các vấn đề nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo không tham mưu ban hành chính sách hỗ trợ trực tiếp việc xây dựng khách sạn, biệt thự du lịch tại Điều 9 dự thảo Nghị quyết.

9. Điều 10 (Chính sách hỗ trợ đầu tư khai thác hang động, thác nước phục vụ khách du lịch) quy định:

“1. Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư cải tạo, xây dựng công trình thuộc phạm vi hang động, thác nước phục vụ khách du lịch; mức hỗ trợ 40% tổng mức đầu tư nhưng tối đa hỗ trợ tối đa 1,5 tỷ đồng/công trình, dự án.

2. Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân đầu tư cải tạo, xây dựng công trình thuộc phạm vi hang động, thác nước tại các khu, điểm du lịch được quy hoạch trên địa bàn tỉnh, được cơ quan có thẩm quyền tổ chức khảo sát đánh giá tiềm

năng, đảm bảo đủ điều kiện khai thác phục vụ khách du lịch; cam kết thực hiện kinh doanh ít nhất 05 năm liên tục, kể từ thời điểm nhận được hỗ trợ đầu tư theo quy định.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần sau khi dự án được đầu tư đưa vào sử dụng.

4. Trình tự thực hiện: Theo các bước quy định tại khoản 4, Điều 5 Nghị quyết này.

5. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01);

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ giấy phép kinh doanh (bản sao);

c) Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (bản sao);

d) Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình (bản sao);

đ) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật (bản sao);

e) Biên bản nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao);

f) Văn bản cam kết thực hiện kinh doanh du lịch ít nhất 05 năm liên tục, kể từ thời điểm nhận được hỗ trợ đầu tư theo quy định (Mẫu số 02);

6. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.

Tuy nhiên, việc đầu tư khai thác hang động, thác nước trên địa bàn tỉnh phải thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công năm 2019. Hơn nữa, hang động, thác nước là tài nguyên thiên nhiên gắn với giá trị văn hóa, tâm linh, **đặc biệt là gắn với việc bảo vệ an ninh, quốc phòng**, việc khai thác du lịch phải đảm bảo phát triển bền vững, kết hợp giữa phát huy, bảo tồn và gắn với lợi ích cộng đồng, lợi ích lâu dài. Do đó, đề nghị quy định chặt chẽ chính sách này và phải làm việc với các ngành, địa phương có liên quan để xác định và xây dựng chính sách cho phù hợp.

10. Điều 11 (Chính sách hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch) quy định:

“1. Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ người lao động đi bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch tại các cơ sở đào tạo. Mức hỗ trợ theo lệ phí thu theo quy định của cơ sở đào tạo nhưng tối đa 5 triệu đồng/01 loại chứng chỉ, chứng nhận.

2. Điều kiện hỗ trợ: Người lao động làm việc tại cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn toàn tỉnh có chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch tương ứng với vị trí công việc tại cơ sở làm việc.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần cho người lao động.

4. Trình tự thực hiện: Theo các bước quy định tại khoản 4, Điều 5 Nghị quyết này.

5. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01);

b) Giấy chứng nhận/chứng chỉ nghiệp vụ du lịch (bản sao có bản chính đối chiếu hoặc công chứng);

c) Giấy xác nhận cư trú (bản sao);

d) Hợp đồng lao động với doanh nghiệp hoặc giấy xác nhận của UBND cấp xã về nơi làm việc và công việc đang thực hiện (bản sao);

đ) Hóa đơn nộp lệ phí/phiếu thu tiền của cơ sở đào tạo (bản sao đối chiếu bản chính hoặc công chứng).

6. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.

Tuy nhiên, khoản 2 Điều 19 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức nghiên cứu, khảo sát, lựa chọn địa điểm có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng; có chính sách hỗ trợ về trang thiết bị cần thiết ban đầu và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phục vụ khách du lịch cho cá nhân, hộ gia đình trong cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ du lịch; hỗ trợ xúc tiến sản phẩm du lịch cộng đồng”.

Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa theo hướng hàng năm UBND tỉnh (qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) phối hợp với UBND các huyện, thành phố liên kết mời cơ sở đào tạo về nghiệp vụ du lịch để tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phục vụ khách du lịch cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia cung cấp dịch vụ du lịch.

11. Dự thảo mẫu đơn đề nghị

Dự thảo Nghị quyết ban hành kèm theo 01 mẫu đơn đề nghị dùng chung cho tất cả các chính sách, đối tượng (tổ chức, cá nhân) là chưa hợp lý và phù hợp, vì thông tin của tổ chức (gồm: Tên, số đăng ký doanh nghiệp, mã số thuế, địa chỉ trụ sở, người đại diện...) khác với thông tin của cá nhân (Tên, dân tộc, giới tính, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân, địa chỉ thường trú, công việc, nơi làm việc...); nội dung hỗ trợ khác nhau thì thông tin có liên quan khác nhau, ví dụ: Đối với hỗ trợ lãi suất ký quỹ kinh doanh dịch vụ

lữ hành thì sẽ không có thông tin về cơ sở vật chất kỹ thuật (*tổng số vốn đầu tư, quy mô*). Do đó, đề nghị rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp.

12. Thể thức, kỹ thuật soạn thảo

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại toàn bộ dự thảo Nghị quyết để chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày của văn bản cho phù hợp với quy định tại Chương V (từ Điều 55 đến Điều 81) và Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*).

13. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết

Báo cáo đánh giá tác động của chính sách: Nội dung đánh giá tác động của thủ tục hành chính chưa nêu sự cần thiết ban hành thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: *“Tác động của thủ tục hành chính (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách”*; ngoài ra, nội dung đánh giá tác động của thủ tục hành chính nêu *“Không phát sinh phí khi thực hiện thủ tục hành chính”* là chưa chính xác, vì khi thực hiện thủ tục hành chính, tổ chức, cá nhân phải phô tô tài liệu, in mẫu đơn, chi phí đi lại (*trường hợp nộp trực tiếp*), chi phí gửi bưu điện (*trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện*)... , do đó, đề nghị đánh giá lại về chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính.

14. Vấn đề khác

14.1. Các chính sách hỗ trợ

Điều 19 và Điều 75 Luật Du lịch năm 2017 quy định:

- Điều 19: *“1. Cá nhân, hộ gia đình nơi phát triển du lịch cộng đồng được ưu đãi, khuyến khích cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống; hướng dẫn khách du lịch tham quan, trải nghiệm văn hóa, nếp sống tại cộng đồng; sản xuất hàng hóa, hàng thủ công truyền thống và các dịch vụ khác phục vụ khách du lịch.*

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức nghiên cứu, khảo sát, lựa chọn địa điểm có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng; có chính sách hỗ trợ về trang thiết bị cần thiết ban đầu và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phục vụ khách du lịch cho cá nhân, hộ gia đình trong cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ du lịch; hỗ trợ xúc tiến sản phẩm du lịch cộng đồng”.

- Điều 75 quy định: *“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương; cu thể hóa chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển du lịch phù hợp với thực tế tại địa phương.*

2. Ủy ban nhân dân các cấp có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng; ...”.

Khoản 1 Mục II và khoản 5 Mục III (Nhiệm vụ, giải pháp) Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 16/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh nêu quan điểm và đề ra giải pháp sau:

Khoản 1 Mục II: “1. Quan điểm: Phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế tài nguyên và nền tảng phát triển du lịch của địa phương nhất là di tích lịch sử, không gian, cảnh quan kỳ thú; di sản, bản sắc văn hóa đa dạng, đặc sắc; ...”.

Khoản 5 Mục III: “Nghiên cứu xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống; đào tạo nguồn nhân lực; truyền thông, xúc tiến quảng bá; xây dựng hạ tầng viễn thông, cơ sở lưu trú, dịch vụ; xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù, sản phẩm du lịch mới; sản xuất sản phẩm lưu niệm, quà tặng du lịch ...”

Dự thảo Nghị quyết quy định 07 chính sách hỗ trợ, gồm: (1) Hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư cơ sở lưu trú homestay; (2) Hỗ trợ lãi suất vay vốn mua, đóng mới phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch; (3) Hỗ trợ lãi suất ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành; (4) Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị cơ bản tại cơ sở lưu trú homestay; (5) Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở lưu trú khách sạn, biệt thự du lịch; (6) Hỗ trợ đầu tư khai thác hang động, thác nước; (7) Hỗ trợ bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch. Dự thảo Nghị quyết chưa đề cập đến hỗ trợ kinh doanh dịch vụ du lịch khác trong điểm du lịch cộng đồng (như: dịch vụ ăn uống, mua sắm quà lưu niệm, thể thao, vui chơi, giải trí, chăm sóc sức khỏe...); hỗ trợ xúc tiến sản phẩm du lịch cộng đồng; xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù, sản phẩm du lịch mới; sản xuất sản phẩm lưu niệm, quà tặng du lịch; hỗ trợ phục dựng tôn tạo văn hoá phi vật thể, nghề truyền thống... Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu Luật Du lịch năm 2017 và Nghị quyết 29-NQ/TU để đề xuất chính sách hỗ trợ phát triển du lịch tập trung vào tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương và gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

14.2. Việc ban hành thủ tục hành chính

Điều 19 và Điều 75 Luật Du lịch năm 2017 giao địa phương ban hành chính sách phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Theo đó, dự thảo Nghị quyết thuộc trường hợp quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong Luật Du lịch năm

2017, quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2020*): "Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: 1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên". Do đó, việc quy định thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị quyết thuộc trường hợp được Luật giao tại khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2020*): "Điều 14. Những hành vi bị nghiêm cấm: ... 4. Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, **trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao** hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này", không thuộc diện vi phạm điều cấm.

II. KẾT LUẬN

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Mục II Báo cáo thẩm định này; đồng thời rà soát lại toàn bộ nội dung dự thảo văn bản để chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo văn bản cho phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Sau khi hoàn chỉnh theo khoản 1 Mục III Báo cáo này, dự thảo văn bản đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Giám đốc Sở;
- Trang TTĐT STP;
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL (Lan.06b điện tử)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thục